

## PHỤ LỤC I

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM: 2024

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Tiểu học Hiệp Hòa đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

#### A. CÔNG KHAI CHUNG

##### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Trụ sở chính: Trường Tiểu học Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0962166338

Website: <http://thhiephoa.kinhmon.edu.vn>

##### 3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

Loại hình: trường công lập

Cơ quan chủ quản: UBND thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

##### 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Trường tiểu học Hiệp Hòa được tách ra và thành lập lại từ năm 1990. Năm học 2023-2024 trường có 21 lớp và 596 học sinh. Cơ sở vật chất của trường hiện nay gồm 21 phòng học kiên cố đủ để phục vụ giảng dạy 2 buổi/ngày và có các phòng làm việc, phòng chức năng.

Trong từng giai đoạn cụ thể, nhà trường luôn căn cứ vào mục tiêu đào tạo và nhu cầu phát triển của địa phương để đề ra kế hoạch và nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ “Nâng cao dân trí, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài” cung cấp nguồn nhân lực cho địa phương.

Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang; đầy đủ phòng học, phòng chức năng; phòng bộ môn cơ bản đủ, có trang thiết bị đạt chuẩn; khu sân chơi, khu luyện tập TDTT đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Tổng quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Sở GD&ĐT tỉnh Hải Dương, Phòng GD&ĐT thị xã Kinh Môn, thầy và trò trường Tiểu học Hiệp Hòa không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trong toàn thị xã.

Tháng 6 năm 2018 trường được công đạt chuẩn Quốc gia (lần thứ tư). Thư viện đạt chuẩn mức độ 2 (*Quyết định số 365/QĐ-PGD&ĐT ngày 14/6/2023 của phòng GD&ĐT thị xã*). Trường Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và Trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2 vào tháng 11 năm 2021.

Năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023 tập thể nhà trường 02 năm liền được UBND Tỉnh công nhận Tập thể Lao động Xuất sắc; Năm học 2022-2023 được UBND tỉnh tặng cờ thi đua dành cho đơn vị hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm học; Năm học 2022-2023 đơn vị nhận cờ thi đua của thủ Tướng Chính phủ. Tháng 7 năm 2024 trường được SGD ĐT tỉnh Hải Dương tặng Giấy khen "*Đã có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng Trường Tiểu học tiêu biểu điển hình tỉnh Hải Dương, năm học 2022-2023*"; Tháng 6 năm 2023 trường được UBND thị xã tặng Giấy khen "*Đã có thành tích tiêu biểu trong 10 thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa (XI) Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*"; Năm học 2023-2024 đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, Tập thể Xuất sắc.

Trong giai đoạn phát triển công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục ngày càng có vai trò quan trọng trong việc đào tạo thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi nhà trường phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của phường, xã, của thị xã...

Nhà trường xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược của nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Vì vậy đòi hỏi Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường phải xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển để kế hoạch đạt kết quả cao, sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung.

### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Trường TH Hiệp Hòa được tách ra từ Trường PTCS Hiệp Hòa và thành lập lại từ tháng 8 năm 1990. Tháng 6 năm 2018 trường được công đạt chuẩn Quốc gia (lần thứ tư). Thư viện nhà trường đạt Thư viện Đạt chuẩn mức độ 2 năm 2023. Trường Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và Trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2 vào tháng 11 năm 2021.

Trường đóng trên địa bàn thôn An Bộ - xã Hiệp Hòa - TX Kinh Môn - Hải Dương.

### **6. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường**

Được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, chính quyền, PGDDT thị xã Kinh Môn, đến nay nhà trường đã được đầu tư xây dựng CSVC khang trang, hiện đại. Đội ngũ thầy cô giáo đạt chuẩn về trình độ. Các thầy cô đều tâm huyết hăng say với công tác; chất lượng giáo dục toàn diện ngày một nâng lên, trường nhiều năm đạt danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc. Khuôn viên của của nhà trường được củng cố quy hoạch lại, đủ diện tích, phòng học, phòng học bộ môn, sân chơi, bãi tập, các công trình phụ trợ đảm bảo các điều kiện chuẩn về CSVC phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục.

Tiếp tục kế thừa, phát huy, từng bước thực hiện các mục tiêu kế hoạch chiến lược 2020-2025, tầm nhìn đến 2030, phấn đấu là một ngôi trường có chất lượng giáo dục bền vững của thị xã, góp phần tích cực nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho quê hương, đất nước.

**7. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử**

Ông: Lê Văn Phong

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn An Bộ, xã Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại: 0962.166.338

Gmail: [levanphongkm@gmail.com](mailto:levanphongkm@gmail.com)

## **8. Tổ chức bộ máy**

### **8.1. Quyết định sáp nhập**

Trường tiểu học Hiệp Hòa được tách ra và thành lập lại từ năm 1990. Trường có 2 điểm trường, trụ sở chính đặt tại Thôn An Bộ, xã Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; 1 điểm lẻ đặt tại Thôn Đích Sơn, xã Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (cách điểm chính 02 km).

### **8.2 Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường**

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2019-2024 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hội đồng trường được kiện toàn tại Quyết định số 440/QĐ-PGDĐT ngày 24/6/2024 của Trường phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Kinh Môn, Hội đồng trường gồm 07 thành viên: Bí thư Chi bộ- Hiệu trưởng nhà trường; chủ tịch Công đoàn; bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Đồng chí Lê Văn Phong làm chủ tịch Hội đồng- Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường; Đồng chí Nguyễn Thanh Dịu làm phó chủ tịch hội đồng; Đồng chí Vũ Văn Mạnh - Giáo viên làm thư kí Hội đồng.

### **8.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

- Quyết định bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Hiệp Hòa: Số 271/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của Chủ tịch UBND thị xã Kinh Môn về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học.

- Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Hiệp Hòa: Số 141/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Chủ tịch UBND thị xã Kinh Môn về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học.

Có quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

## **9. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục**

Nhà trường có xây dựng chiến lược phát triển, Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định hoạt động nội bộ, Quy chế thi đua, khen thưởng, Quy chế thực hiện công khai, Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản công trong nhà trường, Quy tắc ứng xử văn hóa của cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh; cùng nhiều kế hoạch theo hướng dẫn của các cấp.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO , CBQL VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Biên chế giao năm 2024:

- QĐ số 15/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 QĐ về việc giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp Giáo dục và Đào Tạo Khối Tiểu học thị xã Kinh Môn năm 2024.

- Tổng số CB,GV,NV hiện có: 35, trong đó: CBQL: 02, giáo viên: 30, nhân viên: 03. Chia theo vị trí việc làm cụ thể như sau:

#### 1.1. Cán bộ quản lý:

Chức danh	Số lượng	Trình độ đào tạo			Trình độ chính trị				
		Thạc sĩ	ĐH QLGD	ĐHSP	Cao cấp	Cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp	Đảng viên
Hiệu trưởng	01	01	01	01			1		1
P.Hiệu trưởng	01			01			1		1

#### 1.2. Giáo viên: Tỷ lệ GV/ lớp: 30/20, tỉ lệ 1,5

Chức danh	Số lượng	Trình độ SP			Trình độ chính trị			Đoàn thể		
		ĐH	CĐ	TrH	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Đảng	Đoàn	CĐ
GV Văn hóa	25	24	01			01	19	20	04	25
GV Âm nhạc	01	01								01
GV Mĩ Thuật	01	01					01	01		01
GV Thể dục	01	01							01	01
GV Tiếng Anh	01	01							01	01
GV Tin học	01	01				01		01	01	01
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>29</b>	<b>01</b>			<b>02</b>	<b>20</b>	<b>22</b>	<b>07</b>	<b>30</b>

#### 1.3. Nhân viên

Chức danh	Số lượng	Trình độ VH			Trình độ đào tạo			Đoàn thể		
		C3	C2	C1	ĐH	CĐ	TrH	CĐV	Đoàn	Đảng
Kế toán	1	1			1			1		1
TV-TB	1	1			1			1		
VT	1	1				1		1		
Bảo vệ	2		2					2		
<b>Tổng</b>	<b>05</b>	<b>03</b>	<b>02</b>	<b>0</b>	<b>02</b>	<b>01</b>		<b>05</b>		<b>01</b>

1.4. Số lượng, tỷ lệ GV, CBQL, NV đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

XÃ KI  
TRƯỞNG  
ĐU +  
ĐP E  
7 \*

Chức danh	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	01	0	0	0	0	01
Phó HT	01	0	0	0	1	0
Giáo viên	30	24	0	01	29	0
Nhân viên	3	3	0	0	3	0
<b>Tổng</b>	<b>35</b>	<b>27</b>	<b>0</b>	<b>01</b>	<b>33</b>	<b>01</b>

**1.5. Số lượng giáo viên, CBQL, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên:** 100% CBQL, GV, NV tham gia bồi dưỡng thường xuyên theo hướng dẫn

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

#### 1. Cơ sở vật chất

Tên phòng	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tên phòng	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )
<b>1. Khối phòng hành chính, quân trị</b>			<b>2. Khối phòng học tập</b>		
Phòng HT	01	36	Phòng học VH	20	1080
Phòng PHT	01	27	Phòng Tin học (18 máy tính)	01	54
			Phòng KHCN	01	54
Phòng Bảo vệ	01	12	Phòng học Tiếng Anh	01	54
Khu để xe giáo viên	01	84	Phòng Âm nhạc	01	54
Khu để xe học sinh	01	102	Phòng Mỹ thuật	01	54
			Phòng nghệ thuật (Đ.Son)	01	54
Khu vệ sinh CBGV	02	40	Phòng đa chức năng	01	54
Phòng Đảng, đoàn thể	01	27	Văn phòng	01	54
<b>3. Khối phòng hỗ trợ học tập</b>			<b>4. Khối phụ trợ</b>		
Thư viện	02	54+50	Phòng Y tế	01	18
Phòng Thiết bị	01	54	Khu vệ sinh HS (An Bộ)	02	75+40
Phòng TV-TB (Đ.Son)	01	50	Khu vệ sinh (Đ.Son))	01	20
Phòng N.thuật (Đ.Son)	01	50	Phòng nghỉ GV	01	27
Tư vấn học đường, hỗ trợ HS KT- YT	01	18	Công, tường rào	Có	
			Phòng kho	01	22,4
Phòng Đoàn đội	01	27			
Phòng Truyền thống	01	37			
<b>5. Khu sân chơi, thể dục thể thao</b>			<b>6. Khối phục vụ sinh hoạt</b>		
Sân trường	03		Nhà bếp	01	52
Bãi tập	02		Kho bếp	01	22.4
Sân tập mái che	0		Khu nhà bán trú (Ngủ, Ăn, VS)	01	197 (86.6)
Nhà đa năng	01	736,96	Phòng quản lý học sinh	0	

- Tổng khuôn viên diện tích: 10 951,94m<sup>2</sup> (An Bộ: 7320,7 m<sup>2</sup>; Đích Sơn: 3631,24 m<sup>2</sup>), (trong đó: sân chơi 2.000 m<sup>2</sup>); 10.592 m<sup>2</sup> bình quân 17,8 m<sup>2</sup>/1 HS;

## 2. Thiết bị dạy học

- Thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ GD&ĐT;  
- Các phòng học bộ môn được trang bị cơ bản đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bị hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn.

- Phòng Tiếng Anh: 01 bảng tương tác; 01 máy chiếu hắt, amply, micro, 01 máy tính để bàn.

- Phòng Tin học: 01 ti vi kết nối Internet; 18 máy tính kết nối mạng Internet.

- Phòng Âm nhạc: 01 ti vi kết nối Internet; 07 chiếc đàn.

- Phòng Mỹ thuật: 01 ti vi kết nối Internet; 35 giá vẽ.

- Phòng đa chức năng: máy chiếu, ti vi, amply, loa, micro

- Máy chiếu BenQ: 01

- Loa kéo 01 bass 40 cm: 01.

- 29 Tivi: 25 tivi 55in Samsung, 04 tivi 55in Liva.

- Bộ đồ dùng dạy học: 4 bộ/20 lớp. (Chưa có bộ đồ dùng khối 2,3,4,5)

- Bàn ghế 02 chỗ ngồi 365 bộ (Bàn ghế bán trú: 190 bộ); Bàn ghế 01 chỗ ngồi 35 bộ.

- Bảng lớp: 25

- Wifi: 32 (Khu An Bộ: 26, khu Đích Sơn: 6)

- Thư viện: 02 phòng (54m<sup>2</sup> + 50m<sup>2</sup>), Thư viện xanh: 63m<sup>2</sup>, phòng đọc giáo viên: 28m<sup>2</sup>, phòng thiết bị: 26m<sup>2</sup>.

\* Trang thiết bị khối hành chính, quản trị: 04 máy tính để bàn, 04 máy tính xách tay, 06 máy in, 05 Wifi, 01 Tivi Samsung 75in, 03 bộ toa máy tính, 01 Hệ thống camera (01 Tivi Samsung 55in, 16 mắt cam, 01 ổ cứng), 04 điều hòa, 08 quạt trần, 06 quạt treo tường,...

\* Tổng số sách: 7.143 bản, gồm:

- Sách giáo khoa : 2.261 bản (tặng 200 bản) – bình quân 3,98 bản/ HS.

- Sách tham khảo : 1.711 bản – bình quân 3,0 bản/HS.

- Sách nghiệp vụ : 1.356 bản (tặng 100 bản) – bình quân 24,4 bản/GV.

- Sách thiếu nhi: 1.785 bản.

- Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, công thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải cơ bản bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường; Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường; Hạ



tăng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường; Thu gom rác thải chuyên ra bãi rác hằng ngày; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường; Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

**3. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. TT Môn học Bộ sách Lớp 1,2,3,4,5.**

STT	Môn	Bộ sách				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Tiếng việt	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	NXBGD
2	Toán	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	NXBGD
3	TN và XH	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	NXBGD
4	Đạo đức	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	NXBGD
5	Âm nhạc	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	NXBGD
6	Mĩ thuật	CTST1	CTST1	CD	CTST 1	CTST 1
7	HĐTN	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	NXBGD
8	GD thể chất	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều	NXBGD
9	Tiếng Anh	Victoria	Victoria	Victoria	Sự phạm	NXBGD
10	Khoa học				Cánh diều	NXBGD
11	Lịch sử và ĐL				Cánh diều	NXBGD
12	Tin học			Cánh diều	Cánh diều	NXBGD
13	Công nghệ			Cánh diều	Cánh diều	

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2000; công nhận lại lần I năm 2007 (*Quyết định số 3032/QĐ-UBND ngày 23/8/2007 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia*); công nhận lần II năm 2013 (*Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 17/5/2013 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia*); công nhận lại lần III năm 2018 (*Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia*).

Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 năm 2021 (*Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia*); Trường Đạt kiểm định chất lượng GD cấp độ 3 (*Quyết định số 1298/QĐ-SGDĐT ngày 12/11/2021 của SGD&ĐT tỉnh Hải Dương*)

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024

##### 1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2023-2024



STT	Nội dung	Chia theo khối				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
a.	Kế hoạch tuyển sinh	- Học sinh hoàn thành chương trình GDMN, có giấy khai sinh hợp lệ, sinh năm 2018 (6 tuổi), các trường hợp quá tuổi, thiếu tuổi thực hiện theo Khoản 4 Điều 33 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT - Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển - HS chuyển đến có đủ hồ sơ theo quy định.	Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ theo quy định: học bạ, giấy khai sinh, đơn xin chuyển trường, giấy giới thiệu.	Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ theo quy định: học bạ, giấy khai sinh, đơn xin chuyển trường, giấy giới thiệu.	Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ theo quy định: học bạ, giấy khai sinh, đơn xin chuyển trường, giấy giới thiệu.	Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT - HS chuyển đến có đủ hồ sơ theo quy định: học bạ, giấy khai sinh, đơn xin chuyển trường, giấy giới thiệu.
b	Kế hoạch giáo dục của nhà trường	- Thực hiện chương trình hiện hành theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Thời gian học 35 tuần, Nghỉ lễ, tết theo quy định của nhà nước. Kế hoạch số 190/KH-THHH ngày 29/8/2023 của Trường Tiểu học Hiệp Hòa về Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024 và Kế hoạch số 193/KH-THHH ngày 30/8/2023 của Trường Tiểu học Hiệp Hòa về Kế hoạch năm học 2023-2024;				
c	Quy chế phối hợp của nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm	- Nhà trường và phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ trong việc theo dõi, giáo dục học sinh. Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT. Ban đại diện học sinh trường họp 2 lần /năm, lớp họp 1 lần/năm. Ban đại diện trường có 5 thành viên, ban đại diện lớp có 3 thành viên. - Nhà trường thường xuyên phối hợp với công an xã và các đoàn thể trong việc giáo dục đạo đức học sinh; tuyên truyền đến học sinh về tác hại của thuốc lá điện tử, các chất gây nghiện. Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động đúng điều lệ, kế hoạch do Hội đồng Đội các cấp và kế hoạch nhà trường.				

1  
 2  
 3  
 4  
 5  
 6  
 7  
 8  
 9  
 10  
 11  
 12  
 13  
 14  
 15  
 16  
 17  
 18  
 19  
 20  
 21  
 22  
 23  
 24  
 25  
 26  
 27  
 28  
 29  
 30  
 31  
 32  
 33  
 34  
 35  
 36  
 37  
 38  
 39  
 40  
 41  
 42  
 43  
 44  
 45  
 46  
 47  
 48  
 49  
 50  
 51  
 52  
 53  
 54  
 55  
 56  
 57  
 58  
 59  
 60  
 61  
 62  
 63  
 64  
 65  
 66  
 67  
 68  
 69  
 70  
 71  
 72  
 73  
 74  
 75  
 76  
 77  
 78  
 79  
 80  
 81  
 82  
 83  
 84  
 85  
 86  
 87  
 88  
 89  
 90  
 91  
 92  
 93  
 94  
 95  
 96  
 97  
 98  
 99  
 100

	sóc, giáo dục học sinh	- Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường; thực hiện tốt công trường an toàn giao thông; các cam kết kí với nhà trường. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.	
d	Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh	- Cơ sở vật chất đủ đảm bảo cho tất cả các môn giảng dạy. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bàn ghế, bảng, ánh sáng, quạt thoáng mát, ti vi, điều hòa ... - Có đầy đủ các phòng học bộ môn. - Có tổ tư vấn tâm lý cho học sinh,	

## 2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế năm học 2023-2024

### 2.1. Thông tin chung

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Kết quả tuyển sinh						
2	Tổng số HS	596	112	105	122	114	143
3	Số học sinh bình quân/lớp	596/21 =28,3	112/4 =28	105/4 =26.25	122/4 =30,5	114/24 =28.5	143/5 =28.6
4	Số học sinh nam/số học sinh nữ	324/272	62/50	54/51	74/48	61/53	73/70
5	Số học sinh dân tộc thiểu số	3		2	1		

### 2.2. Các môn học

Khối	Mức độ	Tiếng Việt		Toán		Tự nhiên và xã hội		Khoa học		Lịch sử và Địa lý		Ngoại ngữ		TH-CN (Công nghệ)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 1	T	68	60.71	73	65.18	61	54.46					62	55.36		
	H	44	39.29	38	33.93	51	45.54					50	44.64		
	C			1	0.89										
Khối 2	T	67	63.81	65	61.9	63	60					58	55.24		
	H	38	36.19	40	38.1	42	40					47	44.76		
	C														
Khối 3	T	69	56.56	72	59.02	65	53.28					67	54.92	65	53.28
	H	53	43.44	50	40.98	57	46.72					55	45.08	57	46.72
	C														
Khối 4	T	66	57.89	65	57.02			74	64.91	73	64.04	66	57.89	67	58.77
	H	48	42.11	49	42.98			40	35.09	41	35.96	48	42.11	47	41.23
	C														
Khối 5	T	84	58.74	99	69.23			86	60.14	81	56.64	76	53.15		
	H	59	41.26	44	30.77			57	39.86	62	43.36	67	46.85		
	C														
Tổng	T	354	59.4	374	62.8	189	55.8	160	62.3	154	59.9	329	55.2	132	59.9
	H	242	40.6	221	37.1	150	44.2	97	37.7	103	40.1	267	44.8	104	40.1
	C			1	0.1										

Khối	Mức độ	Giáo dục thể chất		Nghệ thuật (AN)		Nghệ thuật (MT)		Hoạt động trải nghiệm		TH-CN (Tin học)		Kỹ thuật		Đạo đức	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 1	T	61	54.46	62	55.36	61	54.46	62	55.36					62	55.36
	H	51	45.54	50	44.64	51	45.54	50	44.64					50	44.64
	C														
Khối 2	T	64	60.95	62	59.05	62	59.05	66	62.86					72	68.57
	H	41	39.05	43	40.95	43	40.95	39	37.14					33	31.43
	C														
Khối 3	T	67	54.92	63	51.64	68	55.74	67	54.92	63	51.64			67	54.92
	H	55	45.08	59	48.36	54	44.26	55	45.08	59	48.36			55	45.08
	C														
Khối 4	T	69	60.53	64	56.14	67	58.77	72	63.16	66	57.89			74	64.91
	H	45	39.47	50	43.86	47	41.23	42	36.84	48	42.11			40	35.09
	C														
Khối 5	T	83	58.04	78	54.55	82	57.34			77	53.85	81	56.64	85	59.44
	H	60	41.96	65	45.45	61	42.66			66	46.15	62	43.36	58	40.56
	C														
Tổng	T	344	57.7	329	55.2	340	57.0	267	58.9	206	54.4	81	56.64	360	60.4
	H	252	42.3	267	44.8	256	43.0	186	41.1	173	45.6	62	43.36	236	39.6
	C														

### 2.3. Năng lực

- Năng lực lớp 1, 2, 3, 4:

+ Năng lực chung:

Khối	Số	Tự chủ và tự học						Giao tiếp và hợp tác						Giải quyết vấn đề và sáng tạo					
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	112	61	54.5	50	44.6	1	0.9	61	54.5	50	44.6	1	0.9	61	54.5	50	44.6	1	0.9
2	105	71	67.6	34	32.4			67	63.8	38	36.2			61	58.1	44	41.9		
3	122	66	54.1	56	45.9			62	50.8	60	49.2			58	47.5	64	52.5		
4	114	65	57	49	43			67	58.8	47	41.2			62	54.4	52	45.6		
Tổng	453	263	58.1	189	41.7	1	0.2	257	56.7	195	43	1	0.2	242	53.4	210	46.4	1	0.2

+ Năng lực đặc thù:

Khối	Tổng số HS	Ngôn ngữ			Tinh toán			Khoa học			Công nghệ			Tin học			Thẩm mỹ			Thể chất		
		T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
Khối 1	112	61	51		61	50	1	61	51							61	51		67	45		
Khối 2	105	64	41		67	38		61	44							65	40		67	38		
Khối 3	122	60	62		67	55		63	59		62	60		63	59	61	61		62	60		
Khối 4	114	71	43		66	48		67	47		64	50		62	52	68	46		83	31		
Tổng	453	256	197		261	191	1	252	201		126	110		125	111	255	198		279	174		

- Năng lực lớp 5:

Khối	Số HS	Tự phục vụ, tự quản						Hợp tác						Tự học và giải quyết vấn đề					
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
5	143	74	51.7	69	48.3			72	50.3	71	49.7			72	50.3	71	49.7		

## 2.4. Phẩm chất

+ Phẩm chất lớp 5:

Khối	Tổng số HS	Chăm học, chăm làm			Tự tin, trách nhiệm			Trung thực, kỉ luật			Đoàn kết, yêu thương		
		T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
Khối 5	143	78	65		79	64		79	64		79	64	

+ Phẩm chất lớp 1, 2, 3, 4:

Khối	Tổng số HS	Yêu nước			Nhân ái			Chăm chỉ			Trung thực			Trách nhiệm		
		T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
Khối 1	112	87	25		64	48		63	49		67	45		63	49	
Khối 2	105	76	29		76	29		67	38		73	32		67	38	
Khối 3	122	67	55		65	57		63	59		67	55		67	55	
Khối 4	114	94	20		70	44		77	37		78	36		74	40	
<b>Tổng</b>	<b>453</b>	<b>324</b>	<b>129</b>		<b>275</b>	<b>178</b>		<b>270</b>	<b>183</b>		<b>285</b>	<b>168</b>		<b>271</b>	<b>182</b>	

## 2.5. Hoàn thành chương trình lớp học, CTTH: học Tiếng Anh, Tin học

- Hoàn thành chương trình lớp học: 452 em = 99.8%, CHTCTLH: 1 em = 0.2%
- Hoàn thành chương trình tiểu học: 143 em = 100%, CHTCTTH: 0 em = 0%
- Học sinh khối 3,4,5 được học Tiếng Anh 4 tiết/tuần: 379/379 đạt 100%
- Học sinh khối 3,4,5 được học Tin học: 379/379 đạt 100%

## 2.6. Học sinh khuyết tật

- Hoàn thành chương trình lớp học: 1/1:

## 2.7. Danh hiệu thi đua học sinh

- Học sinh xuất sắc: 282 em = 47.3%
- Học sinh tiêu biểu: 22 em = 3.7%

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Báo cáo tháng 6 năm 2024

#### 1.1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Niên độ hoạt động trung bình 3 năm		
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		

#### 2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền
----	-----------------	-------------	----------------

			kế năm báo cáo
<b>A</b>	<b>TỔNG THU HOẠT ĐỘNG</b>	<b>6.682.502.000</b>	<b>6.052.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ chi thường xuyên từ nhà nước/nhà đầu tư</b>	<b>6.682.502.000</b>	<b>6.052.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Thu giáo dục và đào tạo</b>		
1	Học phí, lệ phí từ người học		
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
<b>III</b>	<b>Thu khoa học và công nghệ</b>		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
<b>IV</b>	<b>Thu khác(thu nhập ròng)</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>	<b>3.301.046.470</b>	<b>6.052.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi lương và thu nhập</b>	<b>3.136.956.377</b>	<b>5.405.617.059</b>
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	3.136.956.377	5.405.617.059
2	Chi lương, thu nhập của cán bộ khác		
<b>II</b>	<b>Chi cơ sở vật chất và dịch vụ</b>	<b>136.255.325</b>	<b>547.176.591</b>
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	136.255.325	547.176.591
<b>III</b>	<b>Chi hỗ trợ người học</b>		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
1	Chi hoạt động nghiên cứu		
1	Chi hoạt động khác		
<b>IV</b>	<b>Chi khác</b>	<b>27.834.768</b>	<b>99.206.350</b>
<b>C</b>	<b>CHÈNH LỆCH THU CHI</b>	<b>3.381.455.530</b>	<b>-</b>

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 1. Công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua

- Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi đua của các cấp, Công đoàn và nhà trường đã tổ chức triển khai đến các tổ chuyên môn, tổ Công đoàn. Đã cụ thể hoá các văn bản thi đua của trường, lồng ghép các cuộc vận động, xây dựng quy chế thi đua nội bộ phù hợp đặc điểm của trường, xây dựng kế hoạch và tổ chức các nội dung thi đua theo đúng kế hoạch.

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành; Trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông 2006, nhà trường chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Ả KINH  
 ƠN  
 U HC  
 P B C  
 \*

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương (đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 theo tài liệu giáo dục địa phương đã được phê duyệt) tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH; Công văn số 1083/SGDĐT-GDTH<sup>1</sup>; triển khai thực hiện tổ chức dạy học mạch nội dung giáo dục “Địa phương em” phù hợp với thực tiễn của địa phương và phải được thực hiện trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung “Địa phương và các vùng miền của Việt Nam” theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và SGK được lựa chọn đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4.

- Chủ động phương án tổ chức thực hiện giáo dục STEM tiếp cận theo yêu cầu trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018<sup>2</sup>, cụ thể như sau:

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”<sup>3</sup> phù hợp với kế hoạch, đề án triển khai thực hiện tại địa phương.

- Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông về đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tổ chức triển khai sách giáo khoa cấp tiểu học, chú trọng các nội dung liên quan đến lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và công tác chuẩn bị đối với lớp 5 theo lộ trình. Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông tại địa phương; nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin để đáp ứng yêu cầu truyền thông của ngành; đẩy mạnh truyền thông về nội dung, giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để tạo sự đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- Trong năm học tập thể nhà trường đã tích cực hưởng ứng, thực hiện các cuộc vận động và các phong trào thi đua cụ thể:

+ Thực hiện tốt cuộc vận động: “ Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; “ Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và tự sáng tạo”.

+ Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “dân chủ - kỉ cương - tình thương - trách nhiệm”. 100% cán bộ giáo viên, nhân viên, đoàn viên công đoàn trong

<sup>1</sup> Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học; Công văn số 1083/SGDĐT-GDTH ngày 13/8/2021 V/v Hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học từ năm học 2021-2022.

<sup>2</sup> Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học. Công văn 415....

<sup>3</sup> Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

trường thực hiện tốt nội quy định của nhà trường, không có vi phạm.

+ Bám sát kế hoạch cuộc vận động “Hai không” để chỉ đạo trong từng tuần, tháng thông qua việc phụ đạo học sinh yếu, cho điểm, kiểm tra đánh giá học sinh, đặc biệt các đợt kiểm tra định kỳ.

+ Thực hiện tốt cuộc vận động “ dân chủ hoá trường học”, nội bộ CBGVNV không có đơn thư khiếu kiện, mọi vướng mắc đều được giải quyết kịp thời tại cơ sở. Cơ quan là một đơn vị đoàn kết.

+ Phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” tiếp tục được thực hiện sâu rộng, sáng tạo trong các hoạt động. Cảnh quan nhà trường ngày càng khang trang, sạch đẹp và điều kiện CSVC được cải thiện,

+ Các đồng chí cán bộ giáo viên nhân viên tích cực ủng hộ từ thiện nhân đạo, tích cực tham gia Ngày hội hiến máu nhân đạo ( năm 2023 có 13 đ/c tham gia hiến máu tình nguyện), có nhiều đồng chí tham gia đến gần chục lần và 100 % cán bộ giáo viên thực hiện nghiêm chỉnh quy định về ATGT.

## 2. Học sinh

### 2.1. Kết quả các cuộc thi, giao lưu

- Cấp thị xã (176 giải): 13 giải Vàng, 40 giải Bạc, 52 giải Đồng, 71 giải KK.

Trong đó: Giao lưu Toán, Tiếng việt, Tiếng Anh: 03 giải Nhất, 03 giải Nhì, 02 giải KK; Thi cờ vua: 01 giải Nhất, 02 giải Ba, 01 KK; Tin học trẻ: 01 giải Ba.

- Cấp Tỉnh (73 giải): 08 giải Bạc, 07 giải Đồng, 58 giải KK.

Trong đó: Thi vẽ tranh: “Chào mừng 70 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ”: 01 giải Nhì, 01 giải Ba, 01 giải KK; Tin học trẻ: 01 giải KK.

- Cấp Quốc gia (66 giải): 08 giải Vàng, 20 giải bạc, 15 giải Đồng, 23 giải KK.

### 2.2. Bán trú; Giáo dục bơi

- Học sinh tham gia ăn bán trú 348/596 đạt 58,4% (Tăng 6,4%)

- Học sinh khối 3,4,5 được giáo dục bơi 379/379 đạt 100%. Học sinh biết bơi 305 HS (K1: 15; K2: 35; K3:85; K4: 80; K5: 90) đạt 51,2%.(Tăng 4,6%)

## VIII. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

### 1. Hình thức

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp. Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của



trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

## 2. Thời điểm công khai

- Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ tháng 6/2024. Riêng dự toán thu chi tài chính 2024 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2024 của UBND thị xã Kinh Môn.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2024) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng địa phương trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết. Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước

Trên đây là báo cáo thường niên công tác công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của trường Tiểu học Hiệp Hòa.

### **Nơi nhận:**

- Website <http://km-thhiephoa.haiduong.edu.vn/>
- Lưu: Hồ sơ công khai.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Văn Phong**